

## 7. Huyện Cẩm Giàng

| TT        | Khu vực, tuyến đường                                                                                                                       | Đất ở    |          |          | Đất thương mại dịch vụ |          |          | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |          |          |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------|------------------------|----------|----------|--------------------------------------------------------------------------|----------|----------|
|           |                                                                                                                                            | Vị trí 1 | Vị trí 2 | Vị trí 3 | Vị trí 1               | Vị trí 2 | Vị trí 3 | Vị trí 1                                                                 | Vị trí 2 | Vị trí 3 |
| <b>I</b>  | <b>THỊ TRẤN LAI CÁCH</b>                                                                                                                   |          |          |          |                        |          |          |                                                                          |          |          |
| 4         | Đường 194B - Đoạn từ Quốc lộ 5 đến giáp khu dân cư mới thôn Tiền và thôn Trụ                                                               |          |          |          |                        | 5,300    | 2,600    |                                                                          |          |          |
| 5         | Đường trong dự án Khu cơ quan và dân cư phía Đông Cầu vượt, thị trấn Lai Cách - Các thửa đất thuộc Lô LK8, LK9, LK10, LK11                 |          |          |          |                        |          |          | 5,000                                                                    | 2,500    | 1,250    |
| 19        | Các đường còn lại khác                                                                                                                     | 7,500    | 3,750    | 2,250    | 3,500                  | 1,750    | 875      | 2,800                                                                    | 1,400    | 800      |
| <b>II</b> | <b>THỊ TRẤN CẨM GIANG</b>                                                                                                                  |          |          |          |                        |          |          |                                                                          |          |          |
| 8         | Đường Chiến Thắng (trước đây) (Đoạn tiếp giáp đường Vinh Quang bắt đầu từ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 4 đến hết khu nghĩa trang Đồng Đại) |          |          |          |                        |          |          |                                                                          | 1,800    | 1,200    |
| 11        | Các đường, phố còn lại trong phạm vi thị trấn                                                                                              |          |          |          |                        |          |          |                                                                          | 1,300    | 700      |